

**ĐẠI THÁNH DIỆU CÁT TUỜNG BỒ TÁT
TỐI THẮNG UY ĐỨC BÍ MẬT BÁT TỰ ĐÀ LA NI
TU HÀNH NIÊM TỤNG THÚ ĐỆ NGHI QUÝ**

Sưu tập Thủ Ân, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Nay Ta y theo Pháp Môn thứ tự của Chân Ngôn nói. Trước tiên Hành Nhân nên theo **A Xà Lê** (Ācārye) được nhận **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka) với gần gũi truyền thụ xong, mới được vào **Trì Minh Tất Địa Quán Đỉnh**, đầy đủ **Hạnh Từ Bi**, **Vô Duyên Từ** thương xót tất cả hữu tình bị khốn khổ, làm **niệm tụng** (Japa) này, thè sê xem xét kỹ tất cả chúng sinh bị ách nạn khủng bố

Nếu chúng sinh bị ách nạn khổ nạn khốn khổ thời thùy theo nơi chốn ấy, hoặc dùng hương xoa bôi, hoặc cầm phẩn làm **Đàn** (Maṇḍala)

Nếu thường niệm tụng thì nên làm Tinh Thất như Pháp, dựng lập Đạo Trường, tất cả như Pháp lúc trước. Trước tiên, Hành Nhân dấy lên **tám loại Tâm** thì mới có thể trì Pháp

- 1_Tâm Từ Bi (Maitra-kāruṇa)
- 2_Tâm không có dơ bẩn (Amala)
- 3_Tâm không có cái của Ta (Mama-kara: Ngã sở)
- 4_Tâm không có cậy mình hơn người khác (thắng phụ)
- 5_Tâm có sự bình đẳng
- 6_Tâm không có oán hại
- 7_Tâm có sự thương xót
- 8_Tâm không có tham lợi

Người như vậy rất có thể truyền thụ. Hàng như vậy có thể đồng làm Pháp. Nếu chẳng phải là loại người này thì chỉ nên tự mình làm khiến Pháp được thành tựu.

Nếu **Biến số** chưa kết thúc thì chẳng được ở khoảng giữa nói chuyện với người khiến cho có sự gián đoạn, tức Pháp bị mất sự hiệu nghiệm. Khi chưa làm Pháp, trước tiên nên thông báo rõ ràng. Nếu tự mình làm niệm tụng cũng đừng gián đoạn

Nếu khi Hành Giả đi vào Đạo Trường thời nén chân thành làm lễ. Tức tác **Kim Cương Hợp Chướng**, chí Tâm tưởng ở trước mặt của chư Phật, Đại Thánh **Văn Thủ** (Maṇjuśrī), vô lượng Bồ Tát, **Kim Cương Mật Tích** (Guhyapada-vajra), tất cả Hiền Thánh khấp mươi phương... mỗi mỗi tự thân làm lễ Thánh Chúng

Phổ Lễ Nhất Thiết Phật Bồ Tát Kim Cương Đẳng Chân Ngôn là:

“Án (1) tát phộc đát đà nghiệt đa (2) ca da, phộc-túc đa (3) phộc nhật-la bát-la mai (4) mạn tổ thát-lợi, phộc tảng-na nam (5) ca lỗ nhĩ”

ॐ तथा गाया वाय वाक् वाज्रा प्राननाम वाज्रा

*OM- SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK- CITTA VAJRA PRANANĀM MAMJUŚRĪ VANDĀNĀM KARA-UMI -

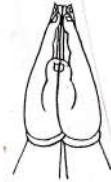
Lại Tâm Mật Minh là:

“Án, phộc nhật-la, vi đà”

ॐ वाज्रा

*OM_ VAJRA VID

Trước hợp **Kim Cương Chưởng**
 Chéo mười Độ (10 ngón tay) bên ngoài
 Năm vóc đều sát đất
 Chí thành cung kính lẽ
 Lại ngồi quỳ thẳng lưng
 Chắp tay tựa sen hợp
 Quán thân như **Thủy Tinh** (Sphaṭika)
 Chữ **Hồng** (HŪṂ) như ba nơi
 Tưởng thành chày **Ngũ Trí**
 Là **Kim Cương** (Vajra) bên trong
 Mà làm Thể chẳng hoại
 Nơi đây thành **phụng thỉnh**
 Tất cả các Thánh Tôn
 Tụng **kệ bốn câu** này:
 “Cúi lạy **Vô Thượng Pháp Y Vương**
Nan Giáo Năng Cứu Từ Bi Chủ
 Nay con quy mệnh, cung kính thỉnh
 Nguyện xin mau chóng đến Đạo Trường”
 Như vậy thỉnh ba lần
 Nói lời khai bạch trước
 Hai tay hợp hoa sen



Lại tụng **tịnh ba Nghiệp**
 Khiến thân khí trong sạch
 Dùng gia trì năm noi
 Trán, hai vai, tim, họng
 Niệm Chân Ngôn ấy là:
 “Án, sa-phộc bà phộc, thú đà, tát phộc đạt ma sa-phộc thú độ hàm”
 ຕ ສັດ ສືບ ຂະດູມ ສັດ ສືບ
 OM-SVABHĀVA ŚUDDHA-SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAM

Đã tịnh ba nghiệp xong
 Kết **Phật Tam Muội Gia**
 Định Tuệ (2 tay) hợp **Liên Chưởng** (Liên Hoa Hợp Chưởng)
 Mở hợp hai Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)
 Co lóng trên hai Phong (2 ngón trỏ)
 Hai Không (2 ngón cái) vịn gốc Phong (ngón trỏ)



Đem Ân ngang trước trán
Quán kĩ tất cả Phật
Mỗi mỗi thấy rõ ràng
Niệm Chân Ngôn áy là:
[ND: **OM_ TATHĀGATA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ**]

Phật Bộ Tam Muội da
Định Tuệ (2 tay) Nội Hợp Quyền
Đều kèm dụng hai Không (2 ngón cái)



Quán kĩ tất cả Phật
Giống như đối trước mắt
Tùy niệm, thỉnh triệu Tôn
Hai quyền kèm nhau **triệu**
Chân Ngôn là:
“Án, nhī năng, nặc ca, sa-phộc ha” (3 biến hoặc 7 biến)
ॐ ຂົນ ຂົນ ພຣ
*)OM_ JINA KIK SVĀHĀ

Lại kết Liên Hoa bộ
Bí Mật Tam Muội Da
Tướng Ân cũng như trước
Trái (ngón cái trái) vào, Hữu (ngón cái Phải) duỗi ra



Ba tụng, ba Triệu Thỉnh
An bên phải rồi bung
Niệm Chân Ngôn áy là:
“Án, a lô lực ca, sa-phộc hạ”
ॐ ຂົນ ຂົນ ພຣ
*)OM_ AROLIK SVĀHĀ

Lại đến, Kim Cương Bộ
Vi Diệu Tam Muội Khế
Khế trước, sửa Không Luân (ngón cái)
Hữu (ngón cái phải) vào, Tả (ngón cái trái) dụng vòi



Chuyên Tâm giữ niệm Tôn
Niệm Chân Ngôn ấy là:
“Án, phộc nhật-la địa-lực ca, sa-phộc hạ”
ॐ वज्राधर्कं सवाहा
*)OM_ VAJRA-DHRK SVĀHĀ

Phật Bộ Án an trán
Liên Hoa bên tai phải
Kim Cương bên tai trái
Đồng bung trên đỉnh đầu

Lại đến Bị Giáp Khé
Đàn Tuệ (2 ngón út) với Giới Phương (2 ngón vô danh)
Cài chéo nhau trong Chuồng (lòng bàn tay)
Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) cùng hợp đầu
Co Tiên Lực (2 ngón trỏ) như Câu (móc câu)
Phụ ngoài, sau hai Hỏa (2 ngón giữa)
Thiền Trí (2 ngón cái) kèm dụng thăng
Giống như **Phộc Chiết La** (Vajra: chày Kim Cương)



Niệm gia thân: năm nơi
Trán, vai phải, vai trái
Tim, họng bung trên đỉnh
Niệm Chân Ngôn ấy là:
“Án, chước yết-la vạt lật-dề, bát-la xa nhī đà, la nại-la, la nại-la, bà sa-ma nại
đinh lộ tuệ-nê sa, lộ khất-xoa, lạc khất-sa hàm, hồng, phát tra, sa-phộc hạ”
ॐ रक्षासरासमिति राद्रां राद्रां भास्मां राद्रां मं रुद्रां सवाहा
*)OM_ CAKRA-VARTTI PRAŚAMITĀ RĀDRĀ RĀDRĀ _ BHĀSMA
SARA-USNĪṢA _ RAKṢA RAKṢA MAM_ HŪṂ PHAT_ SVĀHĀ

Tiếp theo, nói **Kim Cương Địa Giới Quyết Án**
 Tay Định (tay trái): độ Phương (ngón vô danh), Nguyên (ngón giữa)
 Kèm vào cửa Giới (ngón vô danh), Nhẫn (ngón giữa)
 Phương (ngón vô danh) quấn kín sau Giới (ngón vô danh)
 Vào khoảng giữa Đàn (ngón út) Giới (ngón vô danh)

Nguyệt (ngón giữa) quấn vào Nhẫn (ngón giữa) Tiết (ngón trỏ)
Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng Tiết Lực (2 ngón trỏ)
Thiền Trí (2 ngón cái) đều hợp nhau



Xoay ba lần, đóng xuồng
Liên niệm Chân Ngôn là:

“Án, chỉ lý chỉ lý, phật nhật-la, phật nhật-lý bộ hô-mãñ dà māñ dà, hòng, phát tra”

ॐ किलि किलि वज्रा वज्री भुर् बन्धा बन्धा हुम्

*)OM_KILI_KILI_VAJRA_VAJRI_BHŪR_BANDHA_BANDHA_HŪM
PHAT

Lại nói Kim Cương Tường Giới Ân

Dựa Địa Giới Ân trước

Mở bụng đứng Thiền Trí (2 ngón cái)



Xoay phải (bên phải) như Tường Viên

Tùy tụng mà xoay chuyển

Tâm tường tường (bức tường) kim Cương

Niệm Chân Ngôn ấy là:

“Án, tát la tát la, phật nhật-la, bát-la ca la, hòng, phát tra”

ॐ सरा सरा वज्रा प्रकारा हुम् फत

*)OM_SARA_SARA_VAJRA_PRAKARA_HŪM_PHAT

Tiếp đến Hu Không Tặng

Chéo mười ngón bên ngoài

Tiết Lực (2 ngón trỏ) gắng như báu



Tường thành lầu gác đẹp

Trên có hoa sen lớn

Thành Tâm quán Bản Tôn

Trụ ở trong trường báu

Phuướng, phan, lọng giáp vòng

Biển mây áo Trời, hương

Tràn đầy khắp hư không

Vây quanh trong quyến thuộc

Tụng Chân Ngôn này là:

“Án, nga nga nă̄ng, tam bà phoc, phoc nhát-la, hōc”

ॐ ଗାଗନ ସଂଭାବ ବାଜ୍ରା ହୋଃ

*)OM _ GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOH

_ Tiếp kết Xa Lộ Án

Ngửa Định Tuệ (2 tay) chéo nhau

Bên phải đè bên trái)

Thiền Trí (2 ngón cái) vịn Tiết Lực (2 ngón trỏ)

Vạch thứ nhất thấp nhất



Xoay chuyển đưa về trước

Tưởng thành cỗ xe báu

Niệm Chân Ngôn ấy là:

“Án, quán lõ, đô lõ, hồng”

ॐ ତୁର ତୁର ହୁମ

*)OM _ TURU TURU HUM

Ba biển, hoặc bảy biển

_ Tưởng Tôn ngồi trên xe

Dần giáng đến Đạo Trường

Trụ ở trong hư không

Đợi Thỉnh mới đi vào

Chẳng trái Bán Thệ Nguyên

Niệm Chân Ngôn ấy là

“Nă̄ng mạc tắt-để-lý-dā địa-vī ca nam, dát đà nghiệt đá nam (1) Án, phoc
nhật-lāng kỳ nē-dā, a yết la-sái dā, sa-phoc hā”

ॐ ଶ୍ରୀଦ୍ଵିକାନାମ ସଂଗାଗନାମ ॐ ତଥାଗତାନାମ

*)NAMAH STRIYA-DHVIKĀNĀM TATHĀGATĀNĀM_ OM_

VAJRAMGNIYA ĀKARŚAYA _ SVĀHĀ

Do sức Chân Ngôn này

Với kết Khê tương ứng

Hay thỉnh triệu Bản Tôn

Kèm với quyền thuộc khác

Giáng lâm chốn Đạo Trường

Ban **nguyên** cho Hành Nhân

_ Khi muôn kết Xa Lộ

Trước làm sạch đường đi

Hai tay bung lò hương

Niệm tu câu bí mật

Tĩnh Trị đường **không trung**

Sau mới thỉnh Bản Tôn

Tưởng **hương** đến cung kia

Niệm Chân Ngôn ấy là:

“Án, tố tất địa yết lý, nhập-phật lý đà, nan đà mô la đà duệ, nhập-phật la, mān tha mān tha, hạ nam hòng, phân tra”

ॐ सुसिद्धि करि ज्वलाता अनन्त मुर्त्तये ज्वला
दण्ड

*)OM_ SUSIDDHI-KARI _ JVALITA ANANTA MURTTAYE JVALA
BANDHA BANDHA HANA HŪM PHAT

_ Nếu làm Diệu Pháp này
Then cửa trong không ấy
Thay đều tự khai mở
Cũng thành **Tịch Trù Chướng**
Cho đến nhóm thanh tịnh
Mới thành **cảnh giác Tôn**
Quyền thuộc kèm thân cận

Trước nên làm **Phụng Thỉnh**
Ấn Khế, tụng **Minh** (Vidya) sau
Triệu tập các Thánh Hiền
Vào trong Mạn Trà La (Maṇḍala)
Thỉnh Triệu Chân Ngôn là:
[ND: *EHYEHI BHAGAVAM NIHA BHAKTYĀNA SAMAYE NACA ARGHA CA SAMPRATISEDAM PŪJA CADADYA PRAHĪDAME*]
Hoặc ba biến, bảy biến
Thỉnh Triệu vào Đạo Trường
Ân cần bảy chỗ thỉnh

_ Lại thỉnh **Diệu Cát Tường** (Mamjuśrī)
Mật Tích Kim Cương Chủ (Vajra-guhya-kādhipati)
Định Tuệ (2 tay) hợp Liên Chưởng (Liên Hoa Hợp Chưởng)
Hai Hoả (2 ngón giữa) quần Thủy Luân (ngón vô danh)
Đầu Phong (ngón trỏ) vịn lưng móng
Co hai Phong (2 ngón trỏ) trụ nhau
Hai Không (2 ngón cái) kèm dụng thăng
Phong (ngón trỏ) đè lên ngón Không (ngón cái)



Tụng Mật Ngôn, **tam triệu** (triệu 3 lần)

“Nǎng mạc tam mān đà một đà nam, hē hē, câu ma la ca, vī mục cật đế, bát đà tất-thể địa đà, sa-ma la, sa-ma la, bát-la đế chỉ-nhiên, sa-phật hạ”

ॐ समर्पणं दृढ़ं कुरुते अस्मि पर्णं श्रीश्रीं
षट्कृष्णं

***NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM HE HE KUMĀRAKA VIMUKTI
PATHĀ-STHITA SMARA SMARA PRATIJÑĀM SVĀHĀ**

Lại đến Minh Vương Bồ

Tịch trừ loài gây chướng

Định Tuệ (2 tay) hợp Liên Chưởng

Thủy (ngón vô danh) Phong (ngón trỏ) kèm hạ xuồng

Đều vào khoảng Mân Nguyên (lòng bàn tay)

Kèm Không (ngón cái) lia lóng Phong (ngón trỏ)



Ngang tim, tụng **Minh Cú**

Bảy biển nâng ngang trán

Chuyển trái, làm **Tịch Trù**

Xoay phải thành **Kết Giới**

Tất cả loài gây chướng

Chạy tan không có ngại

Uy quang như **kiếp Hỏa** (Kalpagni)

Phẫn nộ rất đáng sợ

Ba mặt hiện sáu tay

Cầm nắm: búa, gậy, bình

Hoa sen với tràng hạt

“Án (1) độ nǎng độ nǎng (2) ma đà ma đà (3) ha nǎng ha nǎng (4) hạ dã nghī-lý phộc, hòng phát tra”

ॐ धुना मथमथ खदाद्धना हयग्रीव हुम्

***OM- DHUNA DHUNA, MATHA MATHA, KHĀDA KHĀDA, HANA
HANA – HAYAGRĪVA HŪM PHAT**

Lại Tâm Minh là:

“Án, a mật-lật đồ nạp-bà phộc, hòng, phát tra”

ॐ अर्तो धुना हुम्

***OM_ AMRTODBHAVA HŪM PHAT**

Do Chân Ngôn này nên

Cùng với Án gia trì

Hay khiến trừ các **chướng**

Hành Nhân bỏ chút công

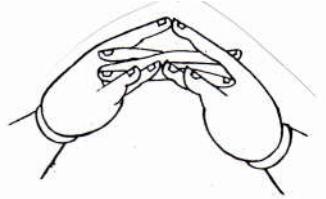
Mau đắc được thành tựu

Tiếp lại kết **Thượng Giới**

Kim Cương Võng La Khé

Như tướng **Tường Án** trước

Mở Không (ngón cái) vịn gốc Phong (ngón trỏ)



Che ngang trên đỉnh đầu
 Khiến ngầm gia bảy biển
 Tùy tung, xoay bên phải
 Ba vòng như nghi **múa**
 Bung chia rẽ xuồng dưới
 Tưởng vào khắp che **Giới**
 Ngoài tường (bức tường) cho đến đát
 Tất cả chẳng thể xuyên
 Quán thành như Kim Cương
 Niệm Chân Ngôn áy là:
 “Án, vĩ sa-phố la nại-la khất xoa, phộc chiết-la bán nhạ la, hồng phát tra”
 ଅସଫୋର୍ତ୍ତ ରାକ୍ଷା ପାମ୍ଜଳା ହୁମ୍ ଫତ୍
 *)OM_VISPHURAD RAKSHA VAJRA PAMJALA HUM PHAT

Tiếp đến Hỏa Viện Ân



Đan kín lửa phát sáng
 Lưới vây vòng bên ngoài
 Hách địch, rực Kiếp Hỏa
 Như gió chuyển phái đến
 Các Ma ác sợ hãi
 Tất cả **thiết Đô Lỗ** (Śatrū: Oan gia)
 Không thể gây náo hại
 Hành Nhân bền trụ quán
 Niệm Chân Ngôn áy là:
 “Án, a tam māng nghī-nē, ha la, hồng phát tra”
 ଅତମାଙ୍ଗ ନୀଲ ହୁମ୍
 *)OM_ASAMĀMGNI HĀRA HUM PHAT
 Ba biển hoặc bảy biển
 Tưởng kỹ, làm gia trì
 Trong Quán, ánh lửa sáng
 Lửa lay động đỏ bừng
 Khiến Pháp luôn thành tựu

Lại nói hiến Át Già (Argha)
 Định Tuệ (2 tay) kèm ngửa mở
 Địa (ngón út), Thủy (ngón vô danh) hòa hợp Phong (ngón trỏ)

Co Phong b(ngón trỏ) như **Thương Khư** (Śāṅkha: vỏ ốc)
Hai Không (2 ngón cái) vịn dưới Phong (ngón trỏ)



Tưởng thành mọi ao báu
Trong suốt, đáy cát vàng
Niệm Chân Ngôn áy là:
“**Năng mạc tam mạn đa bột đà nam. Nga nga năng, tam ma tam ma, sa-phộc hạ**”

ନମ୍ବ ସମତ ଦୁଧାନ୍ତ ଗଗନ ସମତମ ଶନ
NAMAH SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ GAGANA SAMA ASAMA _
SVĀHĀ

Ba biển hoặc bảy biển
Tâm tưởng trong ao báu
Hoa sen, hoa súng nở
Tắm khắp cá Thánh Chúng
Truốc rửa chân Bán Tôn
Tiếp, tắm các Hiền Thánh
Lại muối tắm Thánh Thiên
Khiến Căn ta sạch bụi

Tiếp đến **tòa Sư Tử** (Siṁhāsana)
Định Tuệ (2 tay) Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) giao
Chéo nhau vào lòng tay
Hai Hỏa (2 ngón giữa) hợp Phong (ngón trỏ) dựng
Co Phong (ngón trỏ) vịn hai Không (2 ngón cái)
Kèm Không (ngón cái) ngửa ra trước
Giống như thế Sư Tử



Tưởng trên có hoa sen
Niệm Chân Ngôn áy là:
“**Án, a tá la, vĩ la dã, hòng**”
ॐ ଅକଳ ବିରାୟା ହୁମ
*)OM_ ACALA VĪRAYA HŪM

Tiếp bày **Phổ Cúng Dường**
Mười ngón **Kim Cương Hợp** (Kim Cương Hợp Chưởng)
Hai Phong (2 ngón trỏ) như hình báu



Hương xoa, hoa, **thực** (thức ăn), đèn
Vận tưởng như mây biển
Phuờng, phan, mọi kĩ nhạc
Lọng hoa, diệu thiên y
Lưu tán đầy hư không
Cúng dường tăng nhóm Phước
Án là câu Chân Ngôn
Dùng đem hiến các Tôn
Cúng Dường Chân Ngôn là:
“**Năng mạc tam mạn đa bột đà nam. Án, tát la-phật đà khiếm, ôn na nghiệt-đê, sa-phả la, mãnh hàm, nga nga năng kiêm, sa-phật hạ**”
गमः समर्त एवंसुत्ते सर्वथा त्वं दक्षिण शूर नमः गगनकं
शूर
*)NAMAH_ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM_ SARVATHĀ_ KHAM
UDGATE SPHARA HĪMAM GAGANAKAM_ SVĀHĀ
Do cúng dường này nên
Sẽ được lợi **vô đẳng** (không có gì ngang bằng được)
Hay thành mọi sự nghiệp
Tu Lương (Sambhāra) từ đây sinh

Tiếp lại nói **tán thán**
Chẳng bỏ Ân Khê trước
Sửa báu rồi hợp chéo



Phạm Âm (Brahma-ghoṣa) tụng lời khen
Khiến chúng Thánh vui vẻ
“**Án, phật nhât-la, đê khát sán-noa, ma ha dạ năng** (1) **phật nhât-la câu xá,**
ma hạ dữu đà (2) **mạn tổ lợi-dã** (3) **thất-lợi phật nhât-la, nghiêm tỳ lợi-dã** (4) **phật**
nhật-la một đệ, năng mô suất-đô đế (5)”
ॐ वज्रातिक्ष्न महायाना वज्राकोषा महायुद्धा
*)OM_ VAJRA-TĪKSNA MAHĀ-YĀNA, VAJRA-KOŚA MAHĀ-YUDHA
MAMJUŚRĪ, ŚRĪ-VAJRA BUDDHE NAMOSTUTE

Lại nữa, có bài **Đại Tán** bằng tiếng Hán là:
“Quy mệnh **Mật Tích Chủ** (Guhyakādhipati)
Đẳng tối phục các **Ma** (Māra)

Đồng Chân Pháp Vương Tử (Kumāra-bhūta dharma-rāja-putra)
 Đủ mọi **hạnh Phổ Hiền** (Samanta-bhadra caryā)
 Trụ gốc này có thân
Vắng lặng không đầu cuối (vô thủy vô chung)
 Diệu dụng cho các Nguyệt
 Giáng oán hại ba Độc
 Sửa kiếp nên tu hành
 Mà ở trong ba cõi
 Tuyên nói **Bí Minh Giáo**
 Vì giúp loài hữu tình
 Bày Môn phuơng tiện lớn
 Rất cứu giúp **Hàm Linh** (tên gọi khác của hữu tình)
 Khiến vượt vòng sinh tử
 Từ **Phàm** (Pṛthag-jana) vào **Phật Địa** (Buddha-bhūmi)"

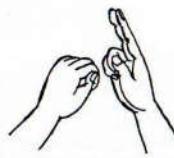
Hành Giả nói lời này
 Khen vịnh nơi Bản Tôn
 Chí Tâm tụng ba biển
 Khiến Đại Thánh vui vẻ
 Diệu Hành Nhân nguyện cầu
 Tất cả mau viên mãn

—Tiếp đến **Thánh Văn Thủ**
Thỉnh Triệu Đồng Tử Ân
 Tay Tuệ (tay phải) kết làm quyền
 Duỗi Phong (ngón trỏ) như móc câu



Bảy biển, triệu ba lần
 Liền nói Chân Ngôn là:
**"Năng mạc tam mạn đà một đà nam. A yết la-sái dã, tát tông, cù lỗ, a nhiên,
 cù mang la tả, sa-phộc hạ"**
 नमः समन्त बुद्धानाम् आकर्षया सर्वा कुरु कुमारस्या स्वाहा
 NAMAH_ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ ĀKARŚAYA SARVA KURU
 AJĀNĀM KUMĀRASYA_ SVĀHĀ

—Tiếp đến **Ké Thiết Ni** (Keśinī)
 Tướng Ân nói như sau
Trí Tuệ Vũ (tay phải) nắm quyền
 Hoà (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) cùng hợp dụng
 Do đồng tiêu tướng **Đao**



Niệm Chân Ngôn áy là:

“Năng mạc tam mạn đa một đà nam. Hệ hệ, cù mang lý kế, na da chỉ-nhương nan, sa-ma la sa-ma la, bát-la đê-nhiên, sa-phộc hạ”

ଗମ୍ଭେ ସମର୍ତ୍ତା ଏହାମନ୍ତର କୁମାରିକେ ଶବ୍ଦାଶ୍ଵର ସମାରା
ଶବ୍ଦାଶ୍ଵର

*)NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HE HE KUMĀRIKE_
DAYĀJĀNĀM SMARA SMARA PRATIJÑĀM_ SVĀHĀ

_Tiếp phuong bên phải Tôn

Cứu Hộ Tuệ Đồng Tử (Paritrāṇāśaya-mati)

Tay trái: Kim Cương Quyền

Ngồi thẳng, an cạnh eo

Tay phải duỗi nắm ngón

Dùng che trái tim áy

Nắm cứng ở Không Luân (ngón cái)



Niệm Chân Ngôn áy là:

“Năng mạc tam mạn đa một đà nam. Hệ, ma ha ma ha, sa-ma la, bát-la đê
nhiên, sa-phộc hạ”

ଗମ୍ଭେ ସମର୍ତ୍ତା ଏହାମନ୍ତର କୁମାରା ଶବ୍ଦାଶ୍ଵର ଶବ୍ଦାଶ୍ଵର

*)NAMAH SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HE MAHĀ MAHĀ _ SMARA
PRATIJÑĀM_ SVĀHĀ

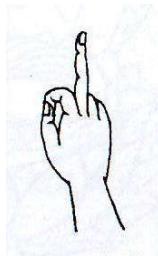
Ô Ba Kế Thiết Ni (Upa-keśinī)

Tay Trí Tuệ (tay phải) nắm quyền

Rồi duỗi thẳng Hỏa Luân (ngón giữa)

Phong (ngón trỏ) co lóng ở giữa

Nhu dòng tiêu tướng Kích



Nói Chân Ngôn áy là

“Năng mạc tam mạn đa một đà nam (1) loại na dạ chỉ-nhương nan (2) hệ, cù
mang lý kế (3) sa-phộc ha”

ଗମ୍ଭେ ସମର୍ତ୍ତା ଏହାମନ୍ତର କୁମାରିକେ ଶବ୍ଦାଶ୍ଵର ଶବ୍ଦାଶ୍ଵର

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ BHINDHAYĀ-JÑĀNAM_ HE
KUMĀRIKE_ SVĀHĀ

Tiếp đến **Quang Võng Tôn** (Jālini-prabha)

Nội Quyền Thuộc Đồng Tử

Ấn Khê nói như sau

Tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền

Nâng Phong Luân (ngón trỏ) như câu



Vì nghiệp các Hành Thủ

Khiến trụ **Giải Thoát Địa** (Vimukti-bhūmi)

Liền nói Chân Ngôn là:

“**Năng mạc tam mạn đà một đà nam. Hệ hệ, cù mang la, mang da nghiệt đà, sa-phộc bà phộc, tất-thể đà, sa-phộc hạ**”

गमः समर्त एतं प्रकृते दुरुतुम्भार्ता शुभं शुभं

*)NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HE HE KUMĀRA MĀYĀGATA_
SVABHĀVA STHITA_ SVĀHĀ

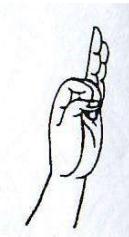
Tiếp đến **Địa Tuệ Tràng** (Vasu-mati-ketu)

Tiêu xí của quyền thuộc

Tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền

Rồi duỗi luân Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)

Dụng thẳng, gia tướng phuóng



Nói Mật Ngôn này là:

“**Năng mạc tam mạn đà một đà nam. Hệ, sa-ma la chỉ-nhuõng năng, kế đô bà-phộc hạ**”

गमः समर्त एतं प्रकृते दुरुतुम्भार्ता शुभं

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HILI HE SMARA JÑĀNA-KETU_
SVĀHĀ

Tiếp đến **Vô Cầu Quang** (Vimala-prabha)

Cù Mang La (Kumāra) Mật Chú

Như tay Tam Muội (tay trái) trước

Duỗi tất cả Luân trên

Thảy đều co trừ hết



Như ánh sáng thân Phật
Lửa ấy chiêu sáng suốt
Xưng niêm Chân Ngôn ấy là:

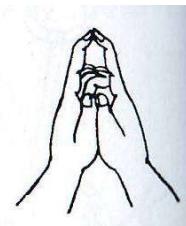
**“Năng mạc tam mạn đa một đà nam. Hệ hệ, cù mang la, vi chất đát-la, nghiệt
để, cù mang la, ma nô sa-ma la, sa-phộc hạ”**

ନମ: ସମର୍ତ୍ତ ଏହାନ୍ତର କୁମାର ଅଶ୍ରେ ଗତ କୁମାର ମାନୁଷାର
ଶନ୍ତ

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HE HE KUMĀRA VICITRA-GATI,
KUMĀRAM ANUSMARA_ SVĀHĀ

Lại Bất Tư Nghị Tuệ (Acintya-mati)

Tướng Ân bày như sau
Định Tuệ (2 tay) chéo bên trong
Một khiến làm Quyền Ân
Hai Phong (2 ngón trỏ) riêng co duỗi
Co hai lóng đối nhau
Khiến móng ngón chung lưng
Hai Không (2 ngón cái) kèm dụng thăng



Tên là **Quyền Giáo Giả**

Lại nói Mật Ngôn là:

**“Năng mạc tam mạn đa một đà nam. Hệ hệ, khẩn chỉ la duệ tỉ, a, vĩ sa-ma
dã ninh duệ, sa-phộc hạ”**

ନମ: ସମର୍ତ୍ତ ଏହାନ୍ତର କୁମାର ଅଶ୍ରେ ଅଶ୍ରୟନୀଯୁ ଶନ୍ତ

*)NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HE HE KIMCIRĀYASI AH
VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

Bấy giờ, người tu hành
An trụ Tâm Tù Mẫn
Vì tất cả hữu tình
Phát **Thệ Nguyệt** rộng lớn
Chí thành khởi ân kính
Quán tưởng nơi Bản Tôn
Màu vàng phóng ánh sáng
Ngôi tòa Sư Tử Vương
Cầm cây kiếm Trí Tuệ
 Tay trái cầm sen xanh

Đài hoa dựng chày Trí
Thủ Kế Bát Trí Tôn
Chiếu sáng khắp mươi phương
Như trước mắt Hành Nhân

Văn Thủ Căn Bản Khế
Theo Thầy bí mật truyền
_ Tiếp nên lấy tràng hạt
Cuộn trong trong lòng tay
Định Tuệ (2 tay) hợp tướng sen
Nên dùng miệng gia trì

Bí Mật Châu Minh là:
“Án, phệ lô tả nǎng, ma la, sa-phộc hạ”
ॐ वैरोकना माला स्वाहा
*)OM_VAIROCANA-MĀLA SVĀHĀ

Gia trì bảy biến xong
Ngàn chuyến, **ba** (3 lần) dời châu (tràng hạt)
Không (ngón cái) Địa (ngón út) đổi vịn châu
Tùy tụng, dời ba vòng

Tụng Bát Tự Minh Cú
[ND: *AḤ VĪRA HŪṂ KHACARAH*]

Một ngàn hoặc một vạn
Chữ chữ hô rõ ràng
Ngôi thăng quán sát kỹ
Niệm niệm đừng gián đoạn
Hết số, trụ **Quán Trí**
Kèm Tam Ma Địa Môn
Ở ngay trong trăng đầy
Bày chữ làm **Chủng Trí**
Hoặc làm **Đại Nhật Quán**
Tròn sáng cũng như thế
Hết thấy các Công Đức
Cho tất cả chúng sinh
Đều được thành Phật Đạo

_ Lại nói việc sai biệt
Ba thời hoặc bốn thời
Không khiến có chuyển lùi
Nếu vì làm **Túc Tai** (Śāntika)
Quyết định dùng đầu đêm
Nếu cầu Môn **Phuróc Trí**
Sau đêm thì bắt đầu
Giáng Phục (Abhicāruka) ngay chính Ngọ
Ái Kính (Vaśikaraṇa) lúc muốn ngủ
Câu Triệu (Ākarṣaṇa) cũng đồng trước
Niêm xong, **Hoàn Châu Khế**
Cũng đồng Pháp Tất Địa

Bản Tôn, đủ số xong
Y trước niêm **Nội quyến** (nội quyến thuộc)
Tám Tôn như thứ tự
Tán thán, dâng hương hoa
Át Già lại [hung hiến]
Phát Nguyện kèm Khuyên Thỉnh
Giī Giới dùng **hỏa Viện**
Phát khiển phung tống tiễn
Ba Bộ lại **Hộ Thân**
Bị Giáp (mặc áo giáp) làm như trước
Diêm Mạn Đức (Yamāntaka) làm **vệ** (phòng giữ)
Đại Đao chạm gia trì
Lễ bái chúng Thánh Hiền
Tùy ý **Kinh Hành** (Cañkramana) ra

Nếu trụ trong rừng núi
Nạn vua, ngục gông cùm
Khi gặp việc đáng sợ
Bệnh tật, họa Quý Thần
Đi đêm tối, sơ hãi
Đi đường bị Ma quấy
Nhà đấu thanh chảng hòa
Các độc muôn đền hại
Như trước, nhiều loại nạn
Thường trì **Bát Bí Minh**
Trù hết tất cả ác

Ân Khế, Môn sai biệt
Cần có Thầy ngâm dạy
Nếu tại Mạn Trà La
Đối trước Tôn, tùy tiện
Chuyển thân, động chi tiết
Than thở, với đầm dầu
Họng dơ xì tiếng kêu
Chảy mũi rãi, ho hăng
Các nhóm việc như vậy
Ngăn cấm, đừng kiêu mạn

Đại Giáo a xà Lê
Bậc hành sâu Tuệ khéo
Muốn cầu Đại Tất Địa
Cần phải luôn Hộ Ma (Homa)
Mỗi đủ ba lạc xoa (30 vạn biến)
Một lần cúng dường lửa
Nếu được ba tướng hiện
Âm, khói với ánh sáng
Trong **kiếm** (cây kiếm) phát tiếng lớn
Âm Phận, Sư Tử rồng

Sấm nổ, vang vi diệu
Chuông, trống, tiếng ca hay
Mọi loại âm nói Pháp
Hành Nhân được **Tất Địa** (Siddhi)

_Hộ Ma nhu Giáo Pháp
Hiểu nhỏ nhiệm rõ ràng
Chút phần chặng tương ứng
Mọi ác đều tụ đến
Đủ số **ba câu chi** (ba trăm triệu)
Thường được thấy **Văn Thủ**
Tâm thông **Môn giả thoát**
Nguyễn **Thé** (Loka), **Xuất Thé Gian** (Lokottara)
Mong cầu đều mãn túc

VĂN THỦ BÁT TỰ NGHI QUÝ
Hết

Trường Khánh năm thứ tư, tháng 8, ngày 30_ Viện **Đông Tháp**, chùa **Thanh Long** Sa môn **Nghĩa Văn Pháp Kim Cương** cùng với Trung Thiên Tam Tạng **Bồ Đề Tiên** (Bodhi-sena: Giác Quân, người nước Ca Tỳ La Vệ ở trung Thiên Trúc) đồng dịch, vị tăng dùng bút kết **Kệ nhuận Văn** là **Nghĩa Văn** (vị tăng đời nhà Tống) ghi chép, xem xét hết rồi ghi lại như vậy.

08/04/2015